

Vài nét về tình hình nghiên cứu về trẻ em lang thang ở Việt Nam hiện nay

Bùi Thị Hồng^(*)

Tóm tắt: Trẻ em lang thang là một hiện tượng xã hội không chỉ diễn ra ở một khu vực nhất định mà nó có quy mô toàn cầu và có xu hướng gia tăng trong những năm gần đây. Trong khoảng 15 năm trở lại đây, vấn đề trẻ em lang thang được các nhà nghiên cứu bàn đến nhiều. Tuy nhiên xét về mặt quy mô, vẫn chưa có công trình độc lập nào bao quát được toàn bộ vấn đề trẻ em lang thang trên bình diện cả nước. Ngoài trẻ em của Việt Nam lang thang thì những năm gần đây cũng xuất hiện khá nhiều trẻ em nước ngoài lang thang xin ăn tại Việt Nam như trẻ em Lào, Campuchia... Đây là vấn đề không nhỏ đối với xã hội khi mà chúng ta đang đi tìm biện pháp và xây dựng các mô hình khắc phục tình trạng trẻ em lang thang trong thời gian tới. Bài viết tổng quan các công trình nghiên cứu, bài viết tạp chí, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ liên quan đến trẻ em lang thang tại ba thư viện lớn: Thư viện Khoa học xã hội, Thư viện Quốc gia, Thư viện Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia trong mốc thời gian từ năm 2000 trở lại đây theo ba nội dung chính: khái niệm, cách tiếp cận; thực trạng, nguyên nhân, hậu quả; kinh nghiệm và các biện pháp nhằm hạn chế tình trạng trẻ em lang thang ở nước ta hiện nay.

Từ khóa: Việt Nam, Trẻ em, Trẻ em lang thang

Trong khoảng thời gian từ năm 2000 trở lại đây, thống kê số lượng các bài viết tạp chí, công trình nghiên cứu khoa học, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ về chủ đề trẻ em lang thang tại 3 thư viện như sau:

- Thư viện Khoa học xã hội: 39 bài viết tạp chí, 1 luận văn thạc sĩ, 5 cuốn sách.

- Thư viện Quốc gia: 16 bài viết tạp chí, 2 cuốn sách, 4 luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ.

- Thư viện Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia: 13 bài tạp chí, 5 đề tài nghiên cứu khoa học.

Sau khi dùng phương pháp loại trừ những tài liệu có tiêu đề và nội dung trùng nhau tại ba thư viện, thu được con số thực tế là: 40 bài viết tạp chí, 6 cuốn sách, 5 đề tài nghiên cứu khoa học, 6 luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ nghiên cứu về vấn đề trẻ em lang thang trong khoảng thời gian từ năm 2000 đến nay. Từ những số liệu thống kê đó, tác giả tiến hành tổng quan tình hình nghiên cứu trẻ em lang thang theo ba nội dung chính dưới đây.

^(*) ThS. Viện Thông tin Khoa học xã hội; Email: buihongxhh@gmail.com

1. Các bài viết, công trình nghiên cứu bàn về khái niệm, cách tiếp cận trẻ em lang thang

Theo thống kê của tác giả, có 12 bài viết tạp chí và hầu hết các đề tài nghiên cứu khoa học, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ đề cập đến khái niệm cũng như cách tiếp cận vấn đề về trẻ em lang thang. Trong cuốn “Trẻ em - gia đình - xã hội” do Mai Quỳnh Nam chủ biên (2004) là tập hợp các bài viết đề cập tới trẻ em, gia đình và xã hội. Toàn bộ phần III của cuốn sách bàn đến trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trong đó có trẻ em lang thang. Cụ thể, bài viết của tác giả Đỗ Thị Ngọc Phương với nhan đề “Nhóm nhỏ - tiếp cận và áp dụng vấn đề trong trường hợp nghiên cứu nhóm trẻ em lang thang” và bài viết “Những ảnh hưởng của tệ nạn xã hội đến trẻ em đường phố” của Nguyễn Văn Đoàn. Bài viết của Đỗ Thị Ngọc Phương bước đầu áp dụng một vài hướng tiếp cận cơ bản có liên quan đến đề tài nghiên cứu nhóm nhỏ và vài nét về kết quả trung cầu ý kiến của trẻ em lang thang về nhóm trẻ em lang thang ở một số thành phố lớn. Theo tác giả, các nhóm nhỏ đóng vai trò rất quan trọng trong cuộc sống của chúng ta. Hiểu được quy luật của các nhóm nhỏ, chúng ta sẽ thành công hơn trong công tác vận động giáo dục, bởi lẽ hành vi của cá nhân hình thành hay thay đổi chủ yếu thông qua tác động của nhóm nhỏ. Tác giả bài viết đã tiếp cận theo bốn hướng chủ yếu: 1) Cơ cấu nhóm nhỏ; 2) Lãnh đạo, thủ lĩnh nhóm; 3) Sự phát triển của nhóm nhỏ; 4) Cách thức giao tiếp của nhóm nhỏ. Trên cơ sở đó, tác giả nhận định đây là một phương pháp vô cùng hữu ích về mặt lý thuyết khi nhìn nhận vào bên trong cơ cấu nhóm, đặc biệt là cơ cấu nhóm của trẻ em lang thang để có các biện pháp giáo dục các em một cách hiệu quả nhất.

Khái niệm về trẻ em lang thang được Thạch Ngọc Yên (2009) bàn đến trong Luận án Tiến sĩ “Lý luận, thực tiễn và các giải pháp tổ chức giáo dục trẻ em lang thang thông qua hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên”. Tác giả đã trích dẫn khái niệm về trẻ em lang thang của một số tổ chức như UNICEF, Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em của Việt Nam,..., trong đó, tác giả lựa chọn khái niệm trẻ em lang thang của Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em của Việt Nam làm công cụ nghiên cứu cho Luận án. Theo đó, “Trẻ em lang thang là trẻ em rời bỏ gia đình, tự kiếm sống và nơi cư trú không ổn định hoặc là trẻ em cùng với gia đình đi lang thang”.

Nguyễn Nam Phương (2003) bàn về hệ thống khái niệm trẻ em lang thang trong bài viết “Vấn đề trẻ em lang thang tại Hà Nội: Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp”. Cụ thể, tác giả đã định nghĩa trẻ em lang thang như sau: “Trẻ em lang thang là những trẻ em dưới 16 tuổi kiếm tiền bằng các hoạt động thường xuyên trên đường phố như bán hàng rong, đánh giày, làm thuê, bới rác, xin ăn, móc túi..., các em rời bỏ quê theo nhiều cách và nhiều lý do khác nhau”. Tác giả đã phân chia trẻ em lang thang thành ba nhóm chính: 1) Trẻ em lang thang bỏ hẳn gia đình, không có quan hệ với gia đình; 2) Trẻ em lang thang kiếm sống có liên hệ với gia đình, nhưng ít khi về thăm; 3) Trẻ em lang thang nhưng đi cùng gia đình.

Trong đề tài nghiên cứu khoa học về trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn ở tỉnh An Giang, Lê Thị Hiền (2002) đã đề cập đến khái niệm: “Trẻ em lang thang là trẻ em rời bỏ gia đình, tự kiếm sống, nơi kiếm sống và nơi cư trú không ổn định; trẻ em cùng với gia đình đi lang thang”. Theo

tác giả, vấn đề trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nói chung và trẻ em lang thang nói riêng là một vấn đề bức xúc của toàn xã hội. Để giải quyết triệt để tình trạng trẻ em đi lang thang, cần phải huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Bài viết “Trẻ em lang thang cần hơi ấm cộng đồng” của Quách Thị Quế (2010) đồng nhất khái niệm trẻ em lang thang với Lê Thị Hiền (2002) ở trên. Theo đó, “Trẻ em lang thang là trẻ em rời bỏ gia đình, tự kiếm sống, nơi kiếm sống và nơi cư trú không ổn định”. Tác giả đã phân chia đối tượng trẻ em lang thang thành ba nhóm chính: 1) Nhóm gồm những trẻ không có bố mẹ và gia đình, hoặc bị gia đình bỏ rơi phải đi lang thang, sống theo băng nhóm, ăn ngủ ngoài đường; 2) Nhóm gồm những trẻ sống lang thang hàng ngày nhưng vẫn còn ít nhiều liên hệ với bố mẹ, gia đình; 3) Nhóm gồm những trẻ đi lang thang ban ngày, tối lại về với gia đình, bố mẹ. Có thể thấy, sự phân chia này khá giống với cách phân chia của Nguyễn Nam Phương (2003) đã dẫn ở trên. Ngoài các công trình bàn về khái niệm, cách tiếp cận nhóm trẻ em lang thang nêu trên, còn có các đề tài, bài viết khác đề cập đến vấn đề này như: Luận văn Thạc sĩ “Trẻ em đường phố với tệ nạn xã hội trên địa bàn Hà Nội: Thực trạng và các yếu tố tác động” của Nguyễn Văn Đoàn (2000); Đề tài khoa học cấp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh “Trẻ em lang thang đường phố thành phố Hồ Chí Minh” của Võ Trung Tâm (2004),...

Có thể nhận thấy, các bài viết đã phần nào giúp cho người đọc hiểu được định nghĩa trẻ em lang thang theo nhiều khía cạnh khác nhau, từ đó giúp họ xác định được chính xác khái niệm công cụ chuẩn dùng trong nghiên cứu của mình.

2. Các bài viết, công trình nghiên cứu đề cập đến thực trạng, nguyên nhân, hậu quả trẻ em lang thang

Số liệu thống kê của tác giả cho thấy, có 20 bài viết tạp chí, 4 cuốn sách, 5 đề tài nghiên cứu khoa học, 6 luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ và các báo cáo tham khảo bàn đến nội dung này. Luận văn Thạc sĩ “Trẻ em đường phố với tệ nạn xã hội trên địa bàn Hà Nội: Thực trạng và các yếu tố tác động” của Nguyễn Văn Đoàn (2000) đề cập đến những tệ nạn mà trẻ đường phố dễ mắc phải như trộm cắp, ma túy, cờ bạc, lạm dụng tình dục. Tác giả cho rằng, một bộ phận trẻ đường phố hiện nay đang bị ảnh hưởng nặng nề bởi những tệ nạn xã hội. Nó tác động xấu đến sự phát triển thể chất, sự hình thành và phát triển nhân cách, vi phạm các quyền cơ bản của trẻ em, thậm chí đe dọa tới tính mạng của các em, làm mất trật tự an toàn xã hội, làm gia tăng tỷ lệ phạm tội. Tác giả đưa ra bốn yếu tố khiến trẻ đường phố bị ảnh hưởng của tệ nạn xã hội: 1) Điều kiện, môi trường sống của trẻ đường phố gặp nhiều khó khăn; 2) Trình độ nhận thức và kỹ năng sống của trẻ đường phố còn thấp; 3) Thiếu sự quan tâm của gia đình và cộng đồng; 4) Việc quản lý trẻ đường phố và ngăn chặn ảnh hưởng của tệ nạn xã hội đối với các em còn nhiều hạn chế.

Bài viết “Thực trạng trẻ em lang thang ở Việt Nam” của Quách Thị Quế và Đỗ Thị Thanh (2015) phân tích khá chi tiết về thực tế trẻ em lang thang ở nước ta hiện nay. Theo nhận định của các tác giả, số lượng trẻ em lang thang ở nước ta đã thay đổi cả về số lượng và hình thức. Trẻ em lang thang xuất hiện nhiều ở các thành phố lớn như Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Các tác giả đã đưa ra số liệu cụ thể về số lượng trẻ em lang thang ở Việt Nam giai

đoạn 2009 - 2014, đó là: năm 2009 - 22.974 em, năm 2010 - 21.230 em, đến năm 2013 giảm còn 15.062 em và năm 2014 còn 13.000 em. Bên cạnh đó, các tác giả còn chỉ ra một loạt nguy cơ tiềm ẩn mà các em phải đối mặt như dễ bị lạm dụng xâm hại, bị lạm dụng bóc lột sức lao động và nguy cơ bị buôn bán... Nguyên nhân khiến cho trẻ em đi lang thang cũng được các tác giả đề cập khá chi tiết, chẳng hạn như do gia đình có bố mẹ ly hôn, do học kém, do kinh tế khó khăn...

Có nhiều nguyên nhân liên quan đến việc trẻ em rời bỏ gia đình đi lang thang, nhưng tập trung ở hai nhóm nguyên nhân chính có liên quan chặt chẽ và tác động qua lại với nhau, đó là: Nhóm nguyên nhân liên quan đến kinh tế và nhóm nguyên nhân về xã hội. Sự phát triển không đồng đều giữa nông thôn và thành thị, chênh lệch mức sống và thu nhập, nhu cầu việc làm ở các đô thị là những nguyên nhân trực tiếp dẫn đến vấn đề trẻ em lang thang. Trong tổng số trẻ em lang thang, có tới 82% trẻ em từ các vùng nông thôn, hoặc tập trung ở các vùng điều kiện tự nhiên không thuận lợi, kinh tế khó khăn. Điều kiện kinh tế gia đình khó khăn là lý do chủ yếu dẫn đến việc trẻ em lang thang kiếm sống (71,7%). Nhận thức của gia đình về vai trò, trách nhiệm của cha mẹ đối với nhiệm vụ, bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em còn hạn chế (Vũ Trùng Dương, 2008).

Hoàn cảnh gia đình cũng là một nhân tố dẫn đến tình trạng gia tăng số lượng trẻ em lang thang hiện nay. Thạch Ngọc Yến (2007) đề cập đến vai trò của gia đình đối với việc giáo dục con cái nhằm hạn chế việc trẻ em bỏ nhà đi lang thang trong bài viết "Vai trò của gia đình trong giáo dục con cái nhằm hạn chế những nguy cơ trẻ

em đi lang thang". Tác giả cho rằng, gia đình luôn giữ vai trò quan trọng trong việc chăm sóc, bảo vệ và giáo dục con cái. Trẻ em ngay từ khi còn là mầm sống đã chịu ảnh hưởng từ những tác động qua người mẹ. Nếu người mẹ có niềm vui hay nỗi buồn, lao động nhẹ nhàng hoặc nặng nhọc đều khiến cho thai nhi cảm nhận được sự thoải mái hay căng thẳng. Bên cạnh đó, vai trò của người cha cũng rất quan trọng trong việc tác động đến tâm trạng của thai nhi qua hành động, lời nói bên ngoài. Chính vì vậy, vai trò của cha mẹ trong gia đình có tác động rất lớn đến tâm lý con cái. Tác giả dẫn ra số liệu thống kê về nguyên nhân dẫn đến tình trạng trẻ em lang thang từ việc khảo sát ý kiến của cán bộ, giáo viên làm công tác trẻ em ở những nơi thường có nhiều trường hợp trẻ em lang thang như thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh Đồng Tháp và Phú Yên. Cụ thể, do gia đình thiếu quan tâm chăm sóc (38,3%); do cha, mẹ ly hôn và trước đó thường xuyên cãi nhau, không hòa thuận (26,5%); do cha mẹ quá nghèo (23,93%); ý kiến khác (11,54%).

Trẻ em khi đi lang thang kiếm sống gặp phải vô vàn khó khăn, thử thách. Theo kết quả khảo sát mà Vũ Dũng (2012) trình bày trong bài viết "Một số khó khăn của trẻ em lang thang cơ nhỡ trong việc thích ứng với cuộc sống" cho thấy, khó khăn lớn nhất của các em là khó khăn về học tập (56,6%). Hầu hết, chỉ có một bộ phận nhỏ các em đi lang thang được đi học, đó là các em đang sống trong các tổ chức nhân đạo, còn lại là không được đi học. Khó khăn thứ hai đối với các em là khó khăn về ăn, ở chiếm tỷ lệ 52,2%. Khó khăn này thuộc về các em không được sống trong các tổ chức nhân đạo, các em sống lang thang trên đường phố hoặc sống tạm bợ cùng gia đình. Các em này

luôn đứng trước nhiều nguy cơ, đe dọa của cuộc sống. Ngoài hai khó khăn chính trên, khó khăn về sức khỏe, tình cảm, việc làm, giao tiếp cũng là rào cản đối với nhóm trẻ em lang thang.

Các công trình nêu trên đã phân nào cho chúng ta thấy thực trạng, nguyên nhân và hậu quả trẻ em lang thang ở nước ta hiện nay. Ngoài ra, còn có nhiều bài viết, công trình khác liên quan đến vấn đề này như: “Trẻ em lang thang cần hơi ấm cộng đồng” của Quách Thị Quế (2010); “Học tập của trẻ em lang thang: Cơ hội và thách thức” của Vũ Trùng Dương (2008); “Trẻ em lang thang ở nước ta - thực trạng và giải pháp” của Nguyễn Hải Hữu (2008); “Phát huy chức năng của gia đình trong việc bảo vệ và chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt của thành phố Đà Nẵng”, đề tài khoa học của Nguyễn Hữu Cảnh (2002) làm chủ nhiệm thuộc Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em thành phố Đà Nẵng;...

3. Các bài viết, công trình đề cập đến kinh nghiệm trợ giúp trẻ em lang thang hồi gia, các biện pháp nhằm hạn chế tình trạng trẻ em lang thang ở nước ta hiện nay

Vấn đề giải pháp đối với trẻ em lang thang được rất nhiều tác giả đề cập đến trong bài viết của mình. Trong tổng số 40 bài viết tạp chí được thống kê ở trên, có tới 30 bài viết đề cập đến vấn đề giải pháp cho trẻ em lang thang, các đề tài, luận văn luận thạc sĩ, luận án tiến sĩ ít nhiều cũng đưa ra những giải pháp tích cực đối với nhóm trẻ em lang thang. Hoàng Văn Tiến (2012) đề cập đến một số kinh nghiệm trợ giúp trẻ em lang thang hồi gia và ngăn ngừa trẻ “tái lang thang” trong cuốn sách “Kinh nghiệm trợ giúp trẻ em lang thang hồi gia bền vững và ngăn ngừa trẻ em bỏ nhà đi lang thang”. Theo tác giả, việc mở các lớp học nghề xen lẫn học văn hóa cho

các em là cần thiết để giúp các em có cơ hội học tập và giảm thiểu nguy cơ trẻ “tái lang thang”. Tuy nhiên, tác giả cũng nhấn mạnh, hỗ trợ trẻ em hồi gia học nghề vẫn là khâu khó khăn nhất. Muốn làm tốt công việc này, phải có sự hỗ trợ tích cực của địa phương, chính quyền và đoàn thể.

Báo cáo bổ sung của tổ chức phi chính phủ (non-governmental organization - NGO) cho báo cáo định kỳ lần thứ ba, thứ tư của Chính phủ về kết quả thực hiện Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền trẻ em tại Việt Nam giai đoạn 2002-2007 có bàn về nhóm trẻ em lang thang. Đây là bản báo cáo bổ sung đầu tiên của NGO về tình hình thực hiện công ước quốc tế về quyền trẻ em tại Việt Nam, và cũng là tham vấn trẻ em đầu tiên được tổ chức dưới dạng một báo cáo. Những chủ đề như bạo hành, sự tham gia của trẻ, giáo dục, giáo dục hòa nhập, HIV/AIDS, di cư, trẻ em lang thang và buôn bán trẻ em... được lựa chọn trong quá trình tham vấn với trẻ em. Do vậy, các quan điểm được phản ánh trong báo cáo là một ví dụ về việc đưa ra tiếng nói của trẻ em Việt Nam (BC, 2011).

Dạy nghề gắn với giải quyết việc làm cho nhóm trẻ em lang thang là cách làm mà tỉnh Hưng Yên đã áp dụng và mang lại hiệu quả tích cực. Quy trình thực hiện khá nghiêm túc và bài bản. Trước tiên, Ban quản lý dự án tỉnh tổ chức gặp mặt tọa đàm giới thiệu những nghề phù hợp với năng lực các em, trên cơ sở đó tạo điều kiện để các em bày tỏ nguyện vọng nghề muốn học. Từ nguyện vọng đó, cán bộ dự án điều tra sức khỏe, trình độ văn hóa, nhận thức, năng lực của các em để có cơ sở tư vấn, định hướng nghề nghiệp phù hợp. Tiếp đến là cán bộ dự án đến từng hộ gia đình làm công tác tư tưởng, phân tích

rõ lợi ích của việc học nghề, giúp các em và gia đình nêu cao quyết tâm và có những lựa chọn nghề nghiệp phù hợp. Trong thời gian học nghề, ban quản lý dự án tỉnh cũng thường xuyên cử cán bộ xuống thăm hỏi, động viên các em học tốt. Bước quan trọng cuối cùng là việc đề cập liên hệ và đề nghị các công ty trong tỉnh tiếp nhận trẻ vào làm việc trên tinh thần vì lợi ích của xã hội và vì tương lai, cuộc sống của trẻ em nghèo. Phương pháp này nhận được nhiều sự đồng thuận tích cực từ các gia đình có con em đã từng bỏ nhà đi lang thang và gia đình có hoàn cảnh khó khăn trong tỉnh (Mỹ Hạnh, 2007).

Bài viết “Kinh nghiệm giải quyết trẻ em lang thang ở Hà Nội” của Sao Mai (2011) đưa ra một số kinh nghiệm trong việc giải quyết đối tượng trẻ em lang thang trên địa bàn Hà Nội. Cụ thể, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội đã phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể sử dụng đồng bộ các kênh truyền thông, trong đó phối hợp với Đài phát thanh - Truyền hình Hà Nội sản xuất ba phóng sự về “Thực trạng trẻ em lang thang ở Hà Nội”, “Xã hội hóa công tác chăm sóc trẻ em lang thang” và “Cho em mái ấm gia đình”,... phát sóng trên Chương trình Văn hóa xã hội của Đài nhiều lần và được in thành đĩa VCD làm tư liệu tuyên truyền cho các địa phương. Hoạt động truyền thông, tư vấn trực tiếp tới các hộ gia đình có nguy cơ có trẻ em đi lang thang kiếm sống tại các địa bàn trọng điểm của thành phố cũng là một nhiệm vụ quan trọng nhằm nâng cao nhận thức của người dân và bản thân các em về tác hại của việc để trẻ em đi lang thang trên đường phố.

Luận văn Thạc sĩ “Đánh giá mô hình can thiệp với trẻ em lang thang nhìn từ

góc độ quản lý ca (Nghiên cứu tại Tổ chức Trẻ em RỒNG Xanh)” của Phạm Xuân Thắng (2014) giúp chúng ta hiểu rõ hơn ý nghĩa hoạt động của ngành công tác xã hội, thấy được vai trò quan trọng của các chương trình, dịch vụ chuyên nghiệp trong việc giúp đỡ, hỗ trợ người yếu thế mà cụ thể là nhóm trẻ em lang thang. Trẻ em lang thang tại Tổ chức Trẻ em RỒNG Xanh luôn được các nhân viên công tác xã hội tư vấn, giúp đỡ, được học tập đầy đủ và có cơ hội phát triển toàn diện về mọi mặt.

Vấn đề giải pháp cho đối tượng trẻ em lang thang còn được đề cập đến trong các bài viết như: “Hà Nội: Hoạt động truyền thông với giải quyết vấn đề trẻ em lang thang” của An Khanh (2007); “Cơ hội để giải quyết tình trạng trẻ em lang thang tại Nha Trang” của Nguyễn Bình Nghĩa (2006); “Hà Nội sau hai năm thực hiện dự án hỗ trợ trẻ em lang thang” của Nguyễn Đình Đức (2006),... Nhìn chung, các bài viết đã chia sẻ những kinh nghiệm trợ giúp hữu ích đến nhóm đối tượng trẻ em lang thang. Việc giảm thiểu và tiến tới xóa bỏ hoàn toàn tình trạng trẻ em lang thang là trách nhiệm chung của Đảng và Nhà nước trong thời gian sắp tới.

Trên đây là những nét khái quát chung nhất về tình hình trẻ em lang thang ở Việt Nam hiện nay qua tổng quan các bài viết, công trình nghiên cứu về chủ đề này trong khoảng thời gian từ năm 2000 trở lại đây. Số lượng các công trình nghiên cứu về trẻ em lang thang cho thấy, Đảng và Nhà nước cũng đã hết sức quan tâm đến vấn đề trẻ em lang thang trong những năm gần đây, cụ thể đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách để hạn chế, giúp trẻ em lang thang hồi gia bền vững, đảm bảo các quyền cơ bản về học tập và phát triển toàn

diện cho các em như: rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách giúp đỡ trẻ em lang thang, tuyên truyền phổ biến pháp luật, chính sách đối với trẻ em... nhằm tạo mọi điều kiện cho các em, những chủ nhân tương lai của đất nước có được một cuộc sống tốt nhất □

Tài liệu tham khảo

1. Hữu Bắc (2006), “Đà Nẵng với chương trình: không có người lang thang xin ăn”, *Tạp chí Lao động và Xã hội*, số 297.
2. BC (2011), *Báo cáo bổ sung của NGO cho báo cáo định kỳ lần thứ ba, thứ tư của Chính phủ về kết quả thực hiện Công ước Liên Hợp Quốc về quyền trẻ em tại Việt Nam giai đoạn 2002 - 2007*.
3. Nguyễn Hữu Cảnh (2003), “Phát huy chức năng của gia đình trong việc bảo vệ và chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt của thành phố Đà Nẵng”, Đề tài khoa học, *Ủy ban Dân Số, Gia Đình và Trẻ Em Đà Nẵng*, Đà Nẵng.
4. Trần Tuấn Cường (2006), “Vĩnh Phúc với mô hình dạy nghề cho trẻ em lang thang”, *Tạp chí Lao động và Xã hội*, số 291.
5. Vũ Dũng (2012), “Một số khó khăn của trẻ em lang thang cơ nhỡ trong việc thích ứng với cuộc sống”, *Tạp chí Tâm lý học*, số 7.
6. Vũ Trùng Dương (2003), “Nghiên cứu một số yếu tố tác động đến công bằng về cơ hội học tập cho trẻ em”, Đề tài khoa học, *Viện Chiến lược và Chương trình Giáo dục*.
7. Vũ Trùng Dương (2007), “Cơ hội học tập của trẻ em lang thang - vấn đề cần được quan tâm”, *Tạp chí Xã hội học*, số 2.
8. Vũ Trùng Dương (2008), “Học tập của trẻ em lang thang: Cơ hội và thách thức”, *Tạp chí Lao động và Xã hội*, số 342.
9. Nguyễn Văn Đoàn (2000), “Trẻ em đường phố với tệ nạn xã hội trên địa bàn Hà Nội: Thực trạng và các yếu tố tác động”, *Luận văn Thạc sĩ Xã hội học*, Viện Xã hội học.
10. Nguyễn Đình Đức (2006), “Hà Nội sau hai năm thực hiện dự án hỗ trợ trẻ em lang thang”, *Tạp chí Lao động và Xã hội*, số 297.
11. Việt Hà (2001), “Giải pháp nào cho trẻ em lang thang”, *Tạp chí Tổng cục Thống kê con số và Sự kiện*, số ra tháng 8.
12. Dương Thị Thúy Hà, Vũ Trùng Dương (2009), “Một số giải pháp cơ bản đối với việc học tập của trẻ em lang thang”, *Tạp chí Lao động và Xã hội*, số 373.
13. Mỹ Hạnh (2007), “Hung Yên: Dạy nghề gắn với giải quyết việc làm cho trẻ em lang thang”, *Tạp chí Lao động và Xã hội*, số 310.
14. Lê Thanh Hải (2006), “Một chỗ dựa tin cậy của trẻ em lang thang Hà Tĩnh”, *Tạp chí Lao động và Xã hội*, số 292.
15. Lê Thị Hiền (2002), “Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn ở An Giang: thực trạng, nguyên nhân và giải pháp”, Đề tài khoa học, *Ủy ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe trẻ em tỉnh An Giang*, An Giang.
16. Phan Thanh Hảo (2000), “Chúng ta đã bàn bạc quá nhiều”, *Tạp chí Giáo dục và Thời đại*, số 13.
17. Nguyễn Hải Hữu (2008), “Trẻ em lang thang ở nước ta - thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí Lao động và Xã hội*, số 285.

18. Nguyễn Hữu (2010), “Nhìn lại 5 năm thực hiện quyết định 19/TTg ở Nghệ An”, *Tạp chí Lao động và Xã hội*, số 382.
19. Hoàng Thị Bích Hương (2009), “Một số giải pháp trong giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa đối với trẻ em lang thang”, *Tạp chí Lao động và Xã hội*, số 363.
20. An Khanh (2007), “Hà Nội: Hoạt động truyền thông với giải quyết vấn đề trẻ em lang thang”, *Tạp chí Lao động và Xã hội*, số 311.
21. Thảo Lan (2007), “Nhà trọ tin cậy: Mô hình cải thiện điều kiện sống cho trẻ em lang thang”, *Tạp chí Lao động và Xã hội*, số 310.
22. Sao Mai (2011), “Kinh nghiệm giải quyết trẻ em lang thang ở Hà Nội”, *Tạp chí Lao động và Xã hội*, số 412.
23. Mai Quỳnh Nam (Chủ biên, 2004), *Trẻ em - gia đình - xã hội*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. Nguyễn Bình Nghĩa (2006), “Cơ hội để giải quyết tình trạng trẻ em lang thang tại Nha Trang”, *Tạp chí Lao động và Xã hội*, số 285.
25. Nguyễn Nam Phương (2003), “Vấn đề trẻ em lang thang tại Hà Nội: Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp”, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, số 71.
26. Hồng Phượng (2009), “Những nỗ lực của thành phố Hồ Chí Minh trong việc hỗ trợ trẻ em lang thang hồi gia”, *Tạp chí Lao động và Xã hội*, số 373.
27. Quách Thị Quế (2010), “Trẻ em lang thang cần hơi ấm cộng đồng”, *Tạp chí Lao động và Xã hội*, số 397.
28. Quách Thị Quế, Đỗ Thị Thanh Huyền (2015), “Thực trạng trẻ em lang thang ở Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học lao động và Xã hội*, số 43/quý II.
29. Sở Tư Pháp Đà Nẵng (2008), “Đăng ký khai sinh cho trẻ em bị ảnh hưởng của chất độc da cam, trẻ lang thang mồ côi tại thành phố Đà Nẵng”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, số chuyên đề tháng 3.
30. Võ Trung Tâm (2004), “Trẻ em lang thang đường phố thành phố Hồ Chí Minh”, Đề tài khoa học, *Sở Lao động - Thương binh và Xã hội*.
31. Sỹ Tuyên (2006), “Cần lắm những mái ấm cho trẻ em lang thang đường phố”, *Tạp chí Lao động và Xã hội*, số 289.
32. Phạm Xuân Thắng (2014), “Đánh giá mô hình can thiệp với trẻ em lang thang nhìn từ góc độ quản lý ca (Nghiên cứu tại Tổ chức Trẻ em Rừng Xanh)”, *Luận văn Thạc sĩ ngành Công tác xã hội*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
33. Hoàng Văn Tiến (2010), “Kết quả Dự án hỗ trợ trẻ em lang thang (pha 2) và một số bài học kinh nghiệm”, *Tạp chí Lao động và Xã hội*, số 397.
34. Đức Tùng (2006), “Mô hình dạy nghề cho trẻ em lang thang ở Khánh Hòa”, *Tạp chí Lao động và Xã hội*, số 292.
35. Đức Tùng (2006), “Xã Đức Hòa với các hoạt động hỗ trợ đưa trẻ em lang thang về nhà”, *Tạp chí Lao động và Xã hội*, số 293.
36. Ngọc Yến (2007), “Vai trò của gia đình trong giáo dục con cái nhằm hạn chế những nguy cơ trẻ em đi lang thang”, *Tạp chí Giáo dục*, số 155 (kỳ 1 - 2).
37. Thạch Ngọc Yến (2009), “Lý luận, thực tiễn và các giải pháp tổ chức giáo dục trẻ em lang thang thông qua hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên”, *Luận án Tiến sĩ Quản lý giáo dục*, Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.